

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2022

V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
không tham gia

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ M, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc N, sinh năm 1981

Địa chỉ: số 120A/7 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ M trình bày: Chị và anh N tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2021 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, Chị với anh N không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 8/2021 đến nay. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị ly hôn với anh N

Về con chung: có 03 con chung tên Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 24/8/2006; Bùi Thị Ngọc T1, sinh ngày 03/7/2008 và Bùi Thị Ngọc T3, sinh ngày 16/9/2012, khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn anh Bùi Ngọc N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn anh Bùi Ngọc N vắng mặt nhiều lần không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Ngọc N vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với anh N

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh N tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M: Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”* và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Tuy chị M không có chứng cứ chứng minh anh N có hành vi bạo lực gia đình và hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của chị nhưng qua lời trình bày và chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện tình trạng hôn nhân của chị và anh N đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do anh chị đã không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N, phía anh N vắng mặt và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 03 con chung tên Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 24/8/2006; Bùi Thị Ngọc T1, sinh ngày 03/7/2008 và Bùi Thị Ngọc T3, sinh ngày 16/9/2012 hiện đang sống cùng với chị M.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị M: cháu T, cháu T1 và cháu T3 hiện đang sống cùng chị M và được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại các biên bản ghi lời khai cùng ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đối với cháu T, cháu T1 và cháu T3 thể hiện: các cháu đều có nguyện vọng sống cùng chị M. Để tránh sự xáo trộn về mặt tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu T1 và cháu T3 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng

là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ M phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ M và anh Bùi Ngọc N

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 24/8/2006; Bùi Thị Ngọc T1, sinh ngày 03/7/2008 và Bùi Thị Ngọc T3, sinh ngày 16/9/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Lệ M nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003484 ngày 28/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện